

TIẾP BIẾN VĂN HÓA Ở MỘT ĐÔ THỊ VEN SÔNG HỒNG - trường hợp Nam Định

TS. BÙI QUANG THANH*

1. Đặt vấn đề

1. Thành tựu khoa học của các ngành khoa học xã hội - nhân văn Việt Nam vào nửa cuối thế kỷ XX đã chứng minh, khẳng định về sự tồn tại và phát triển rực rỡ của *nền văn minh sông Hồng* trong tiến trình dựng nước và giữ nước của cộng đồng quốc gia đa dân tộc Việt Nam. Khoa học về thời đại Hùng Vương chỉ ra rằng, cách đây vài nghìn năm, người Việt cổ đã rời bỏ dần vùng đất cao ven châu thổ ở khu vực Phong Châu - Mê Linh để lan xuống theo các vùng đất được bồi đắp bởi con sông Hồng màu mỡ phù sa. Cả một vùng đất mà, bóng dáng của nó đến thế kỷ XIX còn được nhà sử học Phan Huy Chú nhận ra, khi mô tả đầm Dạ Trạch trong cuốn *Lịch triều hiến chương loại chí* nổi tiếng. Đó chủ yếu vẫn là những khu đất "cỏ cây rậm rạp... bốn mặt đều bùn lầy, người và ngựa không đi được, chỉ dùng thuyền độc mộc nhỏ đẩy bằng sào lướt trên cỏ..."¹. Và như vậy, những người Việt cổ, chủ nhân của nền văn hóa Văn Lang - Âu Lạc, tràn xuống các vùng đất bồi tụ của châu thổ sông Hồng, rồi từ đó, tạo dựng nên một bước đột khởi mới, sáng tạo ra nền văn hóa Đại Việt rực rỡ ngót mười thế kỷ, xác lập nên các triều đại vẻ vang trên bước đường xây dựng và bảo vệ quốc gia độc lập tự

chủ. Đây cũng là cơ sở vững chắc, làm tiền đề cho bước đường chuyển hóa sang nền văn hóa Việt Nam hiện đại (từ giữa thế kỷ XIX đến nay) và bảo tồn được bản sắc văn hóa dân tộc. Quá trình mở mang, tôn tạo đó của cộng đồng dân tộc cũng chính là tiến trình của *sự hội nhập* và *tiếp biến văn hóa*, thể hiện rõ nét nhất ở các trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa nổi bật trong lịch sử, như Thăng Long, Hưng Yên, Nam Định... Chính vì thế, khi đi sâu vào nghiên cứu, tìm hiểu những biểu hiện của sự hội nhập cũng như tiếp biến văn hóa của mỗi cộng đồng nhỏ, chúng ta cần xem xét, nhìn nhận nó trong sự vận hành của diện mạo, đặc trưng chung mỗi nền văn hóa, sản phẩm sáng tạo của cộng đồng quốc gia đa dân tộc Việt Nam.

2. Sông Hồng khởi phát từ Vân Nam, chảy vào Việt Nam qua địa phận Lào Cai, xuôi theo vùng núi đồi Yên Bái, Phú Thọ, Việt Trì rồi, đến Sơn Tây thì tách ra một nhánh thành sông Đáy, xuống địa đầu Hà Nội lại tách ra nhánh sông Đuống, đến Hưng Yên thì chia nước theo sông Luộc (chảy về phía Đông) và sông Châu Giang (chảy về phía Tây), xuống Nam Định, Thái Bình thì tỏa ra thành sông Trà Lý (phía Thái Bình) và sông Đào - hay còn gọi là sông Vị Hoàng (thành phố Nam Định), sông Ninh Cơ (đất Giao Thủy) rồi đổ ra biển qua cửa Ba Lạt. Với dòng chảy kéo dài 500 km trên lãnh thổ Việt Nam,

* VIỆN VĂN HÓA - THÔNG TIN

ven theo sông Hồng, nhiều đô thị mọc lên, trở thành những trung tâm kinh tế, chính trị - quân sự, văn hóa của nhiều vùng, tạo ra các dấu ấn lịch sử - văn hóa nổi bật. Là dòng sông chủ lực cung cấp phù sa cho châu thổ, sông Hồng còn là trục chính của một mạng lưới sông ngòi lớn trên vùng châu thổ Bắc Bộ, đóng vai trò quan trọng trong việc giao lưu kinh tế, văn hóa và bảo vệ an ninh quốc gia. Là một mắt xích nổi bật theo trục sông Hồng, Nam Định đi vào lịch sử với các giá trị văn hóa đặc trưng của nó, đồng thời luôn có sự ràng buộc, giao lưu chặt chẽ với các địa phương khác, các đô thị khác ven sông Hồng. Đặc biệt, trục quan hệ Thăng Long (Hà Nội) - Thiên Trường (Nam Định) - Phố Hiến (Hưng Yên) bộc lộ những thăng trầm lịch sử và tiếp biến văn hóa gắn gũi nhau, rất cần được đối sánh khi xem xét từng cá thể trong trục quan hệ đó.

3. Trong số các thị tứ - đô thị dọc theo sông Hồng trên phần lãnh thổ Việt Nam, mỗi địa điểm lại có những đặc trưng địa hình, địa mạo, tài nguyên, dân cư và các biểu hiện sinh hoạt xã hội khác nhau. Nam Định, được xác định như cửa ngõ thông thương, nhịp nối giữa miền núi, trung du và châu thổ Bắc Bộ với biển cả, nơi đón nhận vào loại trước tiên của đồng bằng châu thổ những mối giao lưu kinh tế, văn hóa từ nước ngoài (văn hóa Ấn, văn hóa phương Tây, văn hóa khu vực), là nơi thu hút sự quan tâm sâu sắc của các thể chế nhà nước trong cung cách điều hành, ứng xử với trung tâm kinh tế - văn hóa phía Nam châu thổ sông Hồng. Những tiếp biến văn hóa của nó sẽ có tác động và ảnh hưởng rõ rệt đến bản sắc của cả một vùng đất quan trọng của Bắc Bộ và có sự tương tác qua lại giữa các vùng, khu vực với nhau.

II. Nam Định - vùng Nam Định, từ góc nhìn địa văn hóa

Nam Định là đô thị nằm ở điểm/chặng cuối cùng của sông Hồng trước khi đổ ra biển Đông. Suốt nghìn năm Bắc thuộc, chủ nhân của vùng đất này chủ yếu là cư dân bãi sông và dân chài. Nghề làm lúa nước đóng vai trò chủ đạo. Người dân bám vào các dải núi sót thuộc các huyện Kim Bảng, Thanh Liêm, Ý Yên, Vụ Bản dần dần tràn xuống dọc ven hữu ngạn sông Hồng, chọn thế đất cao tụ cư, sinh sống. Phải đến thời Lý, vùng đất này mới được chú ý. Là vùng đất nông tang trù phú, vua Lý Nhân Tông đã đích

thân nhiều lần về xem người dân cày cấy, thu hoạch. Tại lộ Hải Thanh, vua Lý đã cho xây các hành cung (trên đất của quê hương nhà Trần sau này), cho dựng tháp Chương Sơn ở Ý Yên cùng ngôi chùa cổ kính. Đến thời Trần, bên cạnh việc xây dựng, củng cố kinh đô Thăng Long, các vua Trần đã về đất Nam Định tìm nơi xây dựng kinh đô thứ 2 và đổi Hải Thanh (tên cũ của đất này) thành Thiên Thanh. Giữa vùng đất mệnh mông bát ngát, cận kề sông Hồng đó, vua tôi nhà Trần đã tiến hành xây dựng cung điện, các nơi thờ Phật và tháp Phổ Minh, gắn với tín ngưỡng thờ cúng dòng tộc nhà Trần.

Đến đời vua Trần Thánh Tông, đất này đã được đổi tên thành Lộ Thiên Trường (1262), làng Tức Mặc (thuộc Mỹ Lộc ngày nay) là trung tâm của phủ Thiên Trường, với các cung điện Trùng Quang, Trùng Hoa và hàng loạt các công trình khác quanh vùng phụ cận. Theo ghi chép trong cuốn *Ngọc phả nhà Trần*, vua Trần Thánh Tông đã chỉ đạo và ra chiếu chỉ "xây dựng hành cung Thiên Trường kiểu cách như kinh đô Thăng Long"². Và như vậy, dưới triều Trần (1225 - 1400), Phủ Thiên Trường được coi là một phủ quan trọng, một bản sao thu nhỏ của kinh thành Thăng Long. Bên cạnh những lầu son, gác tía, chùa tháp, dinh thự, một căn cứ quân sự kiên cố đã được tạo dựng, về sau trở thành căn cứ địa chiến lược, giúp cho vua tôi nhà Trần tạo thế ỷ dốc, đánh tan quân Nguyên 3 lần xâm lược Đại Việt, là nơi các vua Trần hoạch định sách lược đánh giặc ngoại xâm và bàn kế chăm dân, dựng xây đất nước.

Như vậy là, vùng đất phủ Thiên Trường xưa bao gồm phần lớn huyện Mỹ Lộc và nửa phía Tây - Nam của thành phố Nam Định hiện nay. Đây vừa là nơi phát tích của một cộng đồng chài lưới, làm nghề nông và là đất bồng lộc của con cháu nhà Trần vừa được coi là kinh đô thứ hai của triều đại 14 đời vua Trần, một trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa thứ 2 của đất nước.

Trải qua các triều vua từ Hồ Quý Ly đến các vua Lê sau này, Phủ - Lộ Thiên Trường về cơ bản vẫn được giữ nguyên và nâng cấp dần. Cho đến năm 1832, dưới thời Minh Mạng, mới chính thức đặt tên là Nam Định³.

Dưới thời Trần, với sức mạnh toàn diện về chính trị, kinh tế, và đặc biệt là quân sự, vua tôi nhà Trần đã tạo cho vùng đất thành Nam này một vị thế đặc biệt. Tựa vào thế sông Hồng, có

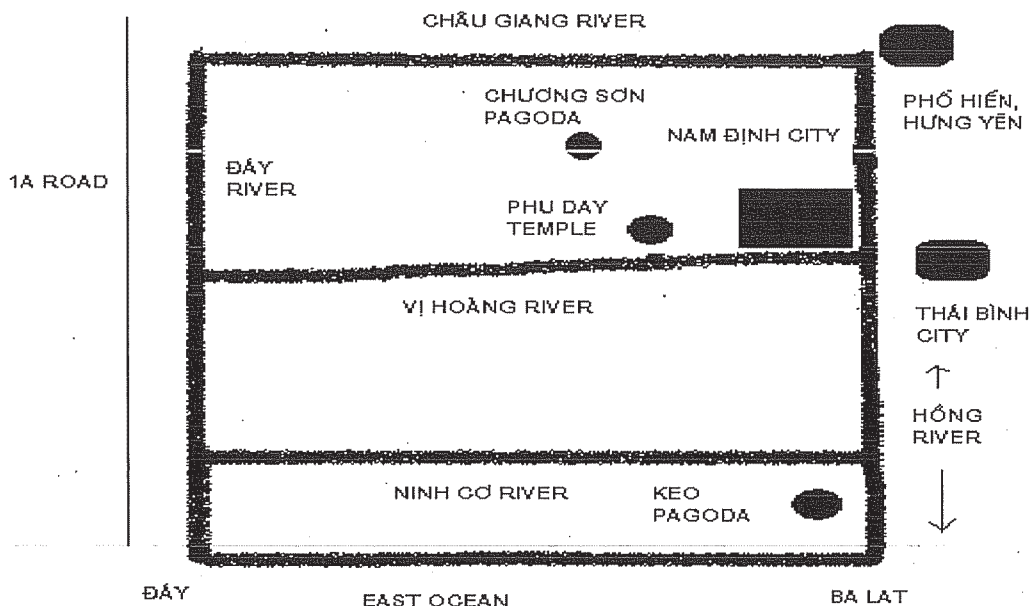
thể dễ dàng ngược dòng lên Phố Hiến (Hưng Yên), lên Thăng Long và rẽ qua các con sông lớn đi khắp mọi vùng đất của châu thổ Bắc Bộ. Sự phát triển kinh tế đương thời, với những hoạt động giao thương nhộn nhịp nơi "trên bến dưới thuyền" còn để lại dấu tích qua hàng loạt các "bến" của Nam Định sau này: *Bến Than, Bến Nứa, Bến Thóc, Bến đò Chè, Bến Ngự...* Đây là các đầu mối xuất - nhập hàng hóa từ 4 phương và toả đi 4 phương của một trung tâm với hàng loạt các khu phố cổ mang các tên nghề nghiệp chuyên sâu như Hàng Tiện, Hàng Sắt, Hàng Đồng, Hàng Nâu, Hàng Vải, Hàng Thùng, Hàng Hòm, Hàng Tre... và về sau nổi lên, bề thế hơn cả là khu chợ Rồng, nơi tập trung các đặc sản của cả một vùng quê với chuối Ngự, gạo tám Xoan, nếp hương... Và đương nhiên, từ mối giao lưu kinh tế này, con đường giao lưu văn hóa cũng liền mạch nảy sinh, tạo ra một bộ mặt sinh hoạt văn hóa xã hội đa dạng, phong phú.

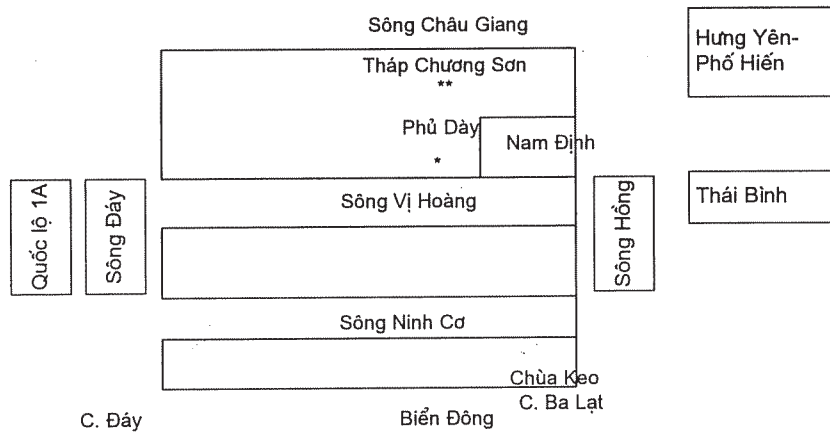
Nhìn lại lịch sử nghìn năm Bắc thuộc, người Việt luôn phải vừa chống ách ngoại xâm, vừa chống sự đồng hoá của văn hóa (văn hóa Hán). Đến thời Lý, và đặc biệt là thời Trần, với hào khí Đông - A, cả một nền văn hóa bản địa như hồi sinh bởi hàng loạt các nhà văn hóa, quân sự tài cao đức rộng, đạt được các thành

tựu cao trên các lĩnh vực của đời sống, đặc biệt là sự xuất hiện của chữ Nôm thời Trần (tương truyền do Nguyễn Siêu chế tác ra) và chế độ khoa cử chọn lựa nhân tài cho đất nước... Tất cả những thành tựu đó đã tạo ra *bước chuyển biến vĩ đại nền văn hóa Việt cổ đại sang nền văn hóa Đại Việt thời Trung đại, đủ sức khẳng định dấu ấn văn hóa của một triều đại độc lập, tự chủ, biết thu phục lòng dân để xây đắp một bản sắc văn hóa bản địa sâu sắc.* Quá trình tiếp biến văn hóa đó còn thể hiện ở quá trình phát triển bền vững của đời sống dân cư, hình thành nên hệ thống đê điều, đặc biệt là đê sông Hồng kéo dài từ kinh đô Thăng Long ra đến cửa biển. Và, chế độ khoa cử tổ chức hàng năm đã tạo cho Thiên Trường sớm trở thành đất có truyền thống học hành, đất có nhiều người tài đóng góp cho sự nghiệp chung của đất nước. Tiếp bước triều Trần, vua tôi các đời sau như nhà Hồ, nhà Lê đã đi tiếp con đường vinh quang do nhà Trần gây dựng nên, giúp cho Nam Định và vùng đất Nam Định trở thành vùng quê danh tiếng của địa linh - nhân kiệt.

Có thể dựng lại địa thế của vùng đất này qua thực địa để thấy sự nổi trội, thuận tiện cho công cuộc khai phá đất đai, tôn tạo văn minh Đại Việt của 14 đời vua Trần⁴.

Sơ đồ:





Nhìn vào vị trí của Phủ Thiên Trường xưa và thành phố Nam Định hiện nay, chúng ta thấy rằng: từ thời Trần, chắc hẳn đất này phải nằm kề cửa sông Hồng đổ ra biển. Không phải ngẫu nhiên mà dưới con mắt của kẻ đi xâm lược, ngay từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp đã khẳng định: "Chiếm được thành Hà Nội và Nam Định là chiếm được Bắc Kỳ". Với ý đồ đó, thực dân Pháp đã tập trung vũ lực cho quá trình chiếm cứ mảnh đất đầu sóng ngọn gió này.

Dưới sự bảo trợ và tài trợ của thế lực tư bản Pháp, nhà Nguyễn trên bước đường thống nhất đất nước đã nhanh chóng quan tâm xây dựng và củng cố đất Nam Định thành nơi đặc biệt quan trọng, sau Hà Nội, bằng cách xây thành Nam Định kiên cố, định hình và xây lại các phố phường cổ, quy hoạch các khu dân cư, mở mang thêm chợ búa và tăng cường cho khai thông các bến ven sông Hồng, sông Vị Hoàng. Chính vì thế, từ địa thế của một hoàng cung triều Trần uy nghiêm, bề thế, Nam Định đã nhanh chóng trở thành một đô thị sầm uất vào bậc nhất nhì đầu thế kỷ XX ở Bắc Hà.

Cũng trên cơ sở mở mang, tôn tạo và xây dựng của triều Nguyễn, thực dân Pháp đã chọn Nam Định như một trong những nơi quan trọng để thực thi chính sách khai thác thuộc địa. Đô thị Nam Định đã nhanh chóng được thực dân Pháp xây dựng, quy hoạch. Hàng loạt các nhà máy được dựng lên: nhà máy dệt, nhà máy rượu, nhà máy chai... Chính vì thế, Nam Định

cũng sớm trở thành một trong những nơi hình thành giai cấp công nhân Việt Nam (bên cạnh Hà Nội, Hải Phòng, Hòn Gai - Quảng Ninh, Vinh - Nghệ An).

Cùng với quá trình nâng cấp và xây dựng cơ sở vật chất, thực dân Pháp đã đồng thời xúc tiến truyền bá văn hóa Pháp quốc và văn hóa phương Tây. Những luồng văn hóa đó đã từ đường biển ngược vào, qua trung tâm Nam Định để rồi lan toả đi khắp các vùng quê (đặc biệt vùng ven biển Nghĩa Hưng, Hải Hậu), cùng với sự lan tỏa của đạo Ki tô giáo.

Nhìn lại lịch sử hình thành của đô thị Nam Định từ khởi nguồn là Phủ Thiên Trường đến sau này, về thực chất, đây chỉ là và thường xuyên là nơi tập kết hàng hoá và đặc sản kinh tế trong vùng, từ các nơi qua đường sông nước là chính, hội tụ về. Cả một hệ thống các làng nghề quanh vùng châu thổ Bắc Bộ, gần nhất là các huyện Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Trực Ninh, Hải Hậu... đã đưa về Thành Nam những đồ đồng, đồ khắc gỗ, đồ mây tre đan, cùng các nông cụ, đặc sản nông nghiệp khác. Đi theo kinh tế là sự hội tụ của các gánh chèo, tuồng, ca trù, chầu văn, rối nước từ các làng quê. Thứ đặc sản văn hóa tinh thần từ những làng văn hóa truyền thống đã làm phong phú thêm cho đời sống văn hóa đô thị non trẻ của Nam Định.

Và, từ cuối thế kỷ XIX, trong những năm đô hộ của thực dân Pháp, văn hóa bản địa Nam Định đã bắt đầu có sự hội nhập và giao lưu với sách báo Pháp, sách báo phương Tây cùng

các loại hình nghệ thuật mới. Đó là sự xuất hiện của kịch nói, phim ảnh tại các rạp hát, công viên. Có thể nói, đây là chặng đường tiếp biến thứ hai của văn hóa Đại Việt trên mảnh đất Nam Định khi tiếp nhận và giao lưu với những luồng văn hóa hiện đại phương Tây.

Trong sinh hoạt phong tục, tập quán tín ngưỡng, người Nam Định và vùng Nam Định vốn đã có bề dày của sinh hoạt đạo Phật (mà đỉnh cao là tư tưởng Trúc Lâm của Trần Nhân Tông) và sinh hoạt đạo Mẫu, giờ đây lại tiếp xúc và có sự bèn rễ của đạo Ki tô giáo lan theo vùng duyên hải (Nghĩa Hưng, Hải Hậu...) qua các cửa sông Đáy, sông Ninh Cơ, sông Đào ngược về nhiều làng quê, thậm chí ăn sâu vào ngoại vi đô thị Nam Định.

Cũng nhờ có sự tiếp biến hướng đến văn hóa hiện đại mà người vùng Nam Định nói chung và đô thị Nam Định nói riêng đã được biết đến chữ quốc ngữ, tạo ra một bước nhảy vọt cả về nhận thức xã hội lẫn trình độ dân trí nói chung.

Trong hàng ngũ tiên phong tiếp xúc với văn hóa hiện đại, đội ngũ công nhân hùng hậu từ các nhà máy tại trung tâm Nam Định đã sớm mở mang nhận thức, sớm tạo lập được một đội ngũ trí thức, thanh niên yêu nước tụ họp tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Bên cạnh đó, hàng loạt các sĩ tử tài danh đỗ đạt trong những kỳ thi cuối cùng của Trường thi Nam Định như Trần Bích San, Phạm Văn Nghị, Ngô Thế Vinh... đã tiếp cận với cái mới và giúp người dân nhận ra bộ mặt thực dân, đấu tranh bảo vệ nền văn hóa bản địa của mình.

Cũng có thể nói, nhờ chặng đường tiếp biến văn hóa thứ hai này, thứ tư duy của "văn hóa lúa nước" mới có điều kiện gặp gỡ và giao lưu bước đầu với tư duy văn hóa công nghiệp, tạo tiền đề cho một văn hóa hay văn hóa công nghiệp manh nha, tập trung ở đô thị Nam Định. Tuy nhiên, sự tiếp biến văn hóa này chỉ có tác động, ảnh hưởng ở những mức độ khác nhau trong không gian văn hóa đô thị. Với các làng quê, văn hóa bản địa với các lễ hội, hát vắn, hát chèo vẫn được bao bọc, giữ gìn tương đối bền vững bởi chế độ quản lý làng xã và quan hệ khép kín của cộng đồng. Và dường như sự sôi động, biến đổi của bộ mặt công nghiệp đô thị Nam Định không ảnh hưởng

hiều đến các thôn quê của Vụ Bản, Ý Yên, Nam Ninh, Hải Hậu...

Từ 1945 đến nay, Nam Định bước vào trang sử mới. Đó là sự đổi đời của người công nhân, người tiểu thương, người thợ thủ công, người nông dân, từ thân phận của kẻ làm nô lệ trở thành chủ nhân cho chính vận mệnh, đời sống của mình. Cùng với quá trình chủ nhân của đất này được "đổi đời" ấy, là quá trình văn hóa Nam Định tiếp tục trải qua những cuộc tiếp biến, từ đó không ngừng biến đổi mạnh mẽ. Chúng tôi dự cảm rằng, trên hành trình này, văn hóa Nam Định đã trải qua cuộc tiếp biến thứ 3. Tiếp biến văn hóa xã hội chủ nghĩa, hiện đang "bước vào" cuộc tiếp biến mới - chuyển từ tư duy văn hóa nông nghiệp sang tư duy văn hóa công nghiệp hiện đại. Tuy nhiên, do vấn đề này hiện mới chỉ được nghiên cứu bước đầu và do khuôn khổ một bài viết nhỏ, chúng tôi chưa có điều kiện để trình bày kỹ hơn.

Xin được tạm đóng lại bài viết này, rằng: trên địa thế phong thủy đắc địa bên thềm sông Hồng, nơi tiếp giáp với nhiều cửa sông và nơi đầu mối giao lưu của một mạng lưới giao thông đường thủy, đường bộ, đường sắt, trên tiến trình lịch sử, đời sống văn hóa của vùng đất Sơn Nam hạ đã trải qua 3 chặng đường tiếp biến và bước vào chặng đường tiếp biến thứ 4. Đó là bước chuyển mình tất yếu, khai thác được năng lượng nội sinh một cách tổng hợp và tạo ra cơ sở vững chắc để tiếp biến, phù hợp với thời đại lịch sử hiện đại, mang tính giao lưu - hội nhập hiện tại và mai sau!./

B.Q.T

Chú thích:

1. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phần Dư địa chí - viết về đầm Dạ Trạch. Bản dịch của Tổ biên dịch, Viện Sử học Việt Nam, tập 1, Nxb. Sử học, H. 1960, Tr. 80.
2. *Ngọc Phả nhà Trần* (Trần Thị gia huấn: Tài liệu lưu tại Bảo tàng Nam Định).
3. Theo Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, 1994, Tr. 171.
4. Xem thêm: Trần Quốc Vượng, *Xứ Nam - câu chuyện của những dòng sông*, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 9 - 2004.
5. Xem: Nguyễn Xuân Năm, *Nam Định đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc*, Sở Văn hóa Thông tin Nam Định xuất bản, 2007, Tr. 189.
6. Xem thêm các bài viết về hoạt động văn hóa cơ sở trong các số *Tạp chí Văn hóa Nam Định* (số 2- 3 năm 2002, số 1- 2 năm 2003).